

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2019/HNGĐ-ST

Ngày 05-9-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc.

Ông Nguyễn Việt Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 438/2019/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 277/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị K (Khởi), sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn SĐ, huyện T, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Anh Thạch Hoàng Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm S, thị trấn SĐ, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn K kiện ngày 26/6/2019 và biên bản xin từ chối tham gia giải quyết vụ án ngày 08/8/2019 nguyên đơn chị Trần Thị K trình bày: Chị và anh Đ kết hôn năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn SĐ. Nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian gần đây vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi nên ly thân gần 01 năm mà không có liên hệ hàn gắn tình cảm. Nay bản thân chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên quyết định xin ly hôn với anh Đ.

Quá trình chung sống chị và anh Đ có 01 con chung tên Thạch Thiên T, sinh

ngày 17/8/2008 hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn anh Thạch Hoàng Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với nội dung chị K khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đ đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải và phiên tòa sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; chị K vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn SĐ, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 07/9/2009 nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị K cho rằng thời gian gần đây vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi dẫn đến ly thân gần 01 năm mà không hàn gắn tình cảm được. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ đã biết chị K kiện xin ly hôn nhưng không có ý kiến hay phản bác nội dung K kiện của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ anh Đ không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và chấp nhận các yêu cầu K kiện của chị K đặt ra. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và chung sống với nhau. Chị K và anh Đ không chung sống với nhau, cả hai đều không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Từ các căn cứ trên, xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị K và anh Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K là đúng quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Thạch Thiên T, sinh ngày 17/8/2008 hiện do chị K nuôi dưỡng đến nay đảm bảo cho cháu phát triển bình thường. Đối với anh Đ không có yêu cầu nuôi dưỡng con chung. Ngoài ra, nguyện vọng của cháu T được sống với chị K. Do đó, cần giao con cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con thì thấy rằng: Tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Đối chiếu điều luật trên, xét thấy anh Đ không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị K là có cơ sở được chấp nhận. Tuy nhiên, chị K yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con 01 tháng

1.000.000 đồng là chưa phù hợp với quy định của pháp luật, bởi anh Đ không có ý kiến về mức cấp dưỡng nuôi con và chưa chứng minh được anh Đ có thu nhập ổn định để đảm bảo cấp dưỡng theo yêu cầu của chị. Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi theo quy định pháp luật mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày 05/9/2019 là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung chị K yêu cầu tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có; anh Đ không có yêu cầu đặt ra. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm **chị** K phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị K. Cho chị Trần Thị K được ly hôn với anh Thạch Hoàng Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Thạch Thiên T, sinh ngày 17/8/2008 cho chị K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Thạch Hoàng Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng, một tháng 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 05/9/2019.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Kể từ ngày chị K có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4 Án phí hôn nhân gia đình chị K phải chịu 300.000 đồng, chị đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0003348 ngày 28/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời nay được chuyển thu, chị K đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Thạch Hoàng Đ phải nộp 300.000 đồng (chưa nộp).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND thị trấn SĐ (nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên